

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 26-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 35 Đường H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Phan Đức T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T: Ông Võ Minh D, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Long An;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dũng: Ông Nguyễn Minh Tâm, sinh năm 1977; Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Long An.

Địa chỉ chi nhánh: Số 140 đường Hùng Vương, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

(Theo các văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 và số 297/UQ-BIDV.LA-QLRR ngày 16/6/2020).

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1974;

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số 376 Ấp 2, xã H, thành phố T, tỉnh Long An.

(Đại diện nguyên đơn và bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do ông Nguyễn Minh Tâm đại diện trình bày:

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2017, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An và ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/5309640/HĐTD. Theo đó, ông K, bà H vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ đáo hạn ngày 13/7/2020, kỳ trả gốc lãi là 03 tháng; lãi suất trong hạn 11,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: để tiêu dùng.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An và ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H ký tiếp hợp đồng tín dụng số 01/2018/5309640/HĐTD. Theo đó, ông K, bà H vay Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kỳ đáo hạn ngày 23/7/2023, kỳ trả gốc lãi là 03 tháng; lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: để tiêu dùng.

Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An và ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H có ký kết hợp đồng thế chấp số 01/2017/3532793/HĐBĐ ngày 12/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/3509640/SĐBS ngày 23/7/2018. Theo đó, ông K, bà H dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 699 tờ bản đồ số 6, diện tích 2.000m², loại đất trồng lúa tọa lạc xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 935077 do UBND thành phố Tân An cấp cho ông Nguyễn Trọng K vào ngày 26/11/2014. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Sau khi vay tiền, hợp đồng tín dụng số 01/2017/5309640/HĐTD ngày 13/7/2017, ông K, bà H trả cho Ngân hàng số tiền 123.843.246 đồng (trong đó gốc là 93.960.000 đồng, lãi là 29.883.246 đồng). Ông K, bà H còn nợ gốc 106.040.000 đồng, lãi tính đến ngày 26/6/2020 là 19.081.777 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01/2018/5309640/HĐTD ngày 23/7/2018, ông K, bà H trả cho Ngân hàng số tiền 54.183.234 đồng (trong đó gốc là 45.700.000 đồng, lãi

là 8.438.234 đồng), hợp đồng này ông K, bà H còn nợ gốc là 154.300.000 đồng, lãi tính đến ngày 26/6/2020 là 33.342.633 đồng.

Đến nay, trong hai hợp đồng tín dụng trên, ông K, bà H còn nợ Ngân hàng Đ gốc là 260.340.000 đồng và lãi tính đến ngày 26/6/2020 là 52.424.410 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.764.410 đồng.

Sau khi thanh toán số tiền trên, ông K, bà H vi phạm kỳ hạn trả nợ trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên, đã để nợ quá hạn, Ngân hàng Đ đã ra thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng ông K, bà H trốn tránh không thực hiện. Hiện nay, khoản nợ trên được xác định là nợ xấu theo quy định tại khoản 4 và phụ lục về xác định nợ xấu ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2017/QH.14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu ông K, bà H trả nợ gốc 260.340.000 đồng và lãi tính ngày 26/6/2020 là 52.424.410 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.764.410 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 01/2017/3532793/HĐBĐ ngày 12/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/5309640/SĐBS ngày 23/7/2018 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K, bà H vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/5309640/HĐTD ngày 13/7/2017 và hợp đồng tín dụng số 01/2018/5309640/HĐTD ngày 23/7/2018 có cơ sở xác định ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H có vay của Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An số tiền 400.000.000 đồng, vay có thời hạn, 03 tháng trả gốc và lãi một lần. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ ông K, bà H có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 699 tờ bản đồ số 6, diện tích 2.000m², loại đất trồng lúa tọa lạc xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất. Sau khi vay ông K, bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền 123.843.246 đồng, ông K, bà H đã vi phạm kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận, đã để nợ quá hạn, hiện còn nợ gốc Ngân hàng 260.340.000đ và lãi tính đến ngày 26/6/2020 là 52.424.410 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 312.764.410 đồng. Quá trình tố tụng ông K, bà H được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông K, bà

H vắng mặt, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470, 317, 318, 325 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có đơn khởi kiện tranh chấp đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H về yêu cầu trả số nợ vay trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả số nợ vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong năm 2017 và 2018, ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Long An số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng 01/2017/5309640/HĐTD ngày 13/7/2017 vay số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng, kỳ đáo hạn ngày 13/7/2020, 03 tháng trả gốc lãi 01 lần với số tiền gốc 16.700.000 đồng và lãi; lãi suất trong hạn 11,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Hợp đồng tín dụng số 01/2018/5309640/HĐTD ngày 23/7/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kỳ đáo hạn ngày 23/7/2023, 03 tháng trả gốc lãi 01 lần với số tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi; lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hợp đồng tín dụng số 01/2017/5309640/HĐTD ngày 13/7/2017 ông K, bà H trả cho Ngân hàng số tiền 123.843.246 đồng (trong đó gốc là 93.960.000 đồng, lãi là 29.883.246 đồng); Hợp đồng tín dụng số 01/2018/5309640/HĐTD ngày 23/7/2018, ông K, bà H trả cho Ngân hàng số tiền 54.183.234 đồng (trong đó gốc là 45.700.000 đồng, lãi là 8.438.234 đồng).

Sau đó ông K, bà H không trả nợ, đã để nợ quá hạn, ngày 17/6/2019, ngày 24/7/2019 và 09/8/2019, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An đã ra Thông báo xử lý nợ quá hạn của khách hàng vay vốn gửi ông K, bà H cho thời gian trả nợ nhưng ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Ngoài ra, trong các hợp đồng tín dụng hai bên có thỏa thuận nếu bên vay vi phạm kỳ hạn trả nợ thì Ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn.

Đến nay, trong hai hợp đồng tín dụng trên, ông K, bà H còn nợ Ngân hàng Đ gốc là 260.340.000 đồng và lãi tính đến ngày 26/6/2020 là 52.424.410 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.764.410 đồng.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho ông K, bà H thể hiện việc Ngân hàng Đ khởi kiện nhưng ông K, bà H không có ý kiến, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Ông K, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả số tiền trên cho Ngân hàng Đ.

Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định: hiện nay, ông K, bà H còn nợ Ngân hàng Đ số tiền vay gốc và lãi là 312.764.410 đồng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ là có căn cứ. Buộc ông K, bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ số tiền vay gốc và lãi là 312.764.410 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về hợp đồng thế chấp: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên, ông K, bà H đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3532793/HĐBĐ ngày 12/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/3509640/SĐBS ngày 23/7/2018 với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An, theo đó ông K, bà H dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 699 tờ bản đồ số 6, diện tích 2.000m², loại đất trồng lúa tọa lạc xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An thế chấp cho Ngân hàng. Đồng thời, ông K, bà H cam kết nếu không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Chi nhánh Ngân hàng Đ được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Văn Hữu vào ngày 23/7/2018 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An vào ngày 12/7/2017, thủ tục thế chấp đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật là hợp pháp nên công nhận hợp đồng thế chấp này.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/02/2020, xác định trên đất có 01 căn nhà được xây dựng trên đất thuộc quyền sở hữu của ông K, bà H. Căn nhà này được xây dựng trước khi ký hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, do tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, căn nhà này chưa đăng ký quyền sở hữu nên các bên chỉ tiến hành thế chấp quyền sử dụng đất mà không bao gồm tài sản trên đất.

Khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất*”.

Như vậy, trong vụ án này, khi ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, ông K, bà H không thế chấp tài sản gắn liền với đất mà chỉ thế chấp quyền sử dụng đất do nhà chưa đăng ký quyền sở hữu nên không thể thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật. Ông K, bà H là chủ sở hữu hợp pháp căn nhà này nên khi xử lý tài sản thế chấp bao gồm cả tài sản gắn liền với đất phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp và tài sản gắn liền với đất của Ngân hàng Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng, ông K, bà H có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ. Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An đã tạm nộp số tiền trên. Do đó, ông K, bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Long An số tiền 1.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Ông K, bà H liên đới chịu 15.638.220 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 470, 317, 318, 325 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H.

Về số nợ vay: Buộc ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (BIDV) số nợ gốc là 260.340.000 đồng và lãi tính đến ngày 26/6/2020 là 52.424.410 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.764.410 đồng (ba trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm mười đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 27/6/2020, ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng 01/2017/5309640/HĐTD ngày 13/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/5309640/HĐTD ngày 23/7/2018 cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

Về tài sản thế chấp: Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3532793/HĐBĐ ngày 12/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/3509640/SĐBS ngày 23/7/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư P với ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H được Văn phòng Công chứng Lê Văn Hữu, tỉnh Long An công chứng vào ngày 23/7/2018, cụ thể:

Trong trường hợp ông Nguyễn Trọng K, bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (BIDV) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 699 tờ bản đồ số 6, diện tích 2.000m², loại đất trồng lúa tọa lạc xã H, thành phố T, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 935077 do UBND thành phố Tân An cấp cho ông Nguyễn Trọng K vào ngày 03/26/11/2014) để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Ông K, bà H có nghĩa vụ liên đới chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Long An tạm nộp số tiền trên. Do đó, ông K, bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả hoàn trả cho Ngân hàng Đ số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K, bà H phải liên đới chịu 15.638.220 đồng (mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn, hai trăm hai mươi đồng); Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 7.623.262 đồng (bảy triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0004043 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng